

Số: /BC-STP

Tuyên Quang, ngày tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức tiền thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích tại các đại hội và các giải thi đấu thể thao áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1144/SVHTTDL-QLTDTT ngày 04/11/2022 của Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch đề nghị thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức tiền thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích tại các đại hội và các giải thi đấu thể thao áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*nhận ngày 12/11/2022*). Sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Khoản 3 Điều 217 Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Luật Thể dục, thể thao ngày 29/11/2006; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14/6/2018;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH (tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết)

1. Về sự cần thiết ban hành văn bản

- Khoản 8 Điều 3 Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu quy định:

"8. Mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định"

- Điều 15 Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012 của các Bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu, quy định:

"Điều 15. Thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên tại các giải trong nước

Mức thưởng cụ thể cho huấn luyện viên, vận động viên khi phá kỷ lục, đạt huy chương vàng, bạc, đồng tại Đại hội thể dục thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia, giải trẻ quốc gia do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các Bộ, ngành quản lý vận động viên đó quyết định"

Căn cứ quy định nêu trên, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 Quy định mức tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao đạt thành tích tại các giải thi đấu trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (văn bản được ban hành bằng hình thức Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh). Đến nay, một số nội dung của Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND đã không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, cụ thể: Căn cứ chính để ban hành Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND là (1) Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg và (2) Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL đã hết hiệu lực thi hành, được bãi bỏ tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu. Mức chi tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao đạt thành tích tại các giải thi đấu trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND hiện nay thấp, không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội, cần thiết phải ban hành văn bản thay thế Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND.

- Khoản 4 Điều 5 Luật Thể dục, thể thao năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019) quy định:

“Điều 5. Cơ quan quản lý nhà nước về thể dục thể thao

4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về thể dục thể thao ở địa phương theo phân cấp của Chính phủ.”

- Khoản 9 Điều 8 Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu quy định

“Điều 8. Mức thưởng bằng tiền đối với các huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế

*9. **Mức thưởng** đối với huấn luyện viên, vận động viên của ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định theo quy định của pháp luật**”.*

- Khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định:

“Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền. Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản khác phải xác định rõ tên văn bản, phần, chương, mục, tiểu mục, điều, khoản, điểm của văn bản bị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành.

Theo quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định số 152/2018/NĐ-CP thì Chính phủ giao cho **Chủ tịch UBND cấp tỉnh** quyết định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia **theo quy định của pháp luật**. Vì vậy, cần thiết phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức thưởng cho từng đối tượng và phù hợp với cấp độ thành tích đạt được, trên cơ sở đó làm căn cứ để Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mức thưởng cho từng đối tượng cụ thể đạt thành tích.

Mặt khác, nội dung Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngoài việc quy định mức thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh đạt thành tích tại các giải thi đấu quốc gia còn quy định về mức thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích tại các giải thi đấu cấp tỉnh, cấp huyện. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) thì *“Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được*

sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó". Do đó, để thay thế nội dung quy định mức thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh đạt thành tích tại các giải thi đấu quốc gia còn quy định về mức thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên đạt thành tích tại các giải thi đấu cấp tỉnh, cấp huyện tại Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND và quy định mức thưởng chung cho huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia để làm cơ sở cho Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mức thưởng cho từng trường hợp cụ thể thì việc xây dựng Quyết định của UBND tỉnh Quy định mức tiền thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích tại các đại hội và các giải thi đấu thể thao áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật để thay thế Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của UBND tỉnh Quy định mức tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao đạt thành tích tại các giải thi đấu trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

2. Về nội dung dự thảo văn bản

2.1. Khoản 1 Điều 2 dự thảo Quyết định quy định:

"Điều 2. Mức thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia

Ngoài mức thưởng trong giải và thưởng theo quy định hiện hành của nhà nước, các vận động viên, huấn luyện viên đạt giải trong các giải thi đấu thể thao cấp Quốc gia được khen thưởng như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, tiền thưởng kèm theo Bằng khen".

- Đề nghị chuyển nội dung quy định *"Ngoài mức thưởng trong giải và thưởng theo quy định hiện hành của nhà nước, các vận động viên, huấn luyện viên đạt giải trong các giải thi đấu thể thao cấp Quốc gia được khen thưởng..."* sang phạm vi điều chỉnh của văn bản tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Quyết định.

- Quy định hình thức *"Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen"* tại quy định nêu trên không phù hợp với thẩm quyền tặng Bằng khen cấp tỉnh theo quy định tại Điều 79 Luật Thi đua khen thưởng năm 2003 (sửa đổi, bổ sung năm 2005, năm 2009 và năm 2013). Theo đó việc quyết định tặng bằng khen cấp tỉnh thuộc thẩm quyền của **Chủ tịch UBND tỉnh**.

2.2. Điểm a khoản 2 Điều 2 dự thảo Quyết định quy định mức thưởng cho vận động viên đạt thành tích tại Đại hội thể thao toàn quốc và Giải thi đấu vô địch quốc gia, như sau:

STT	Thành tích	Mức thưởng (Đơn vị tính: Đồng)
-----	------------	--------------------------------

1	Huy chương Vàng	8.000.000 Phá kỷ lục quốc gia thưởng thêm: 5.500.000
2	Huy chương Bạc	6.500.000
3	Huy chương Đồng	5.500.000

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, tham khảo cơ cấu biểu tương tự Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 152/2018/NĐ-CP, theo đó quy định mức thưởng đối với vận động viên đạt huy chương vàng theo 02 mức gồm: vận động viên đạt huy chương vàng và vận động viên đạt huy chương vàng, phá kỷ lục quốc gia. Đồng thời đề nghị tham khảo quy định về mức thưởng đối với vận động viên đạt thành tích cao tại các giải thi đấu quốc tế tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 152/2018/NĐ-CP để bổ sung quy định về mức thưởng đối với vận động viên đạt huy chương bạc hoặc huy chương đồng và phá kỷ lục quốc gia, cụ thể:

Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 152/2018/NĐ-CP quy định về mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế, như sau:

TT	Tên cuộc thi	HCV	HCB	HCD	Phá kỷ lục
I	Đại hội thể thao				
1	Đại hội Olympic	350	220	140	+140
2	Đại hội Olympic trẻ	80	50	30	+30
3	Đại hội thể thao châu Á	140	85	55	+55
4	Đại hội thể thao Đông Nam Á	45	25	20	+20
II	Giải vô địch thế giới từng môn				
1	Nhóm I	175	110	70	+70
2	Nhóm II	70	40	30	+30
3	Nhóm III	45	25	20	+20
III	Giải vô địch châu Á từng môn				
1	Nhóm I	70	40	30	+30
2	Nhóm II	45	25	20	+20
3	Nhóm III	30	15	10	+10
IV	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao				
1	Nhóm I	40	20	15	+15
2	Nhóm II	30	15	10	+10
3	Nhóm III	20	12	8	+8
V	Đại hội Thể thao khác				
1	Đại hội thể thao quy mô Thế giới khác	70	40	30	+30
2	Đại hội thể thao quy mô châu Á	30	15	10	+10

	khác				
--	------	--	--	--	--

Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 152/2018/NĐ-CP quy định về mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế dành cho người khuyết tật, như sau:

TT	Tên cuộc thi	HCV	HCB	HCD	Phá kỷ lục
I	Đại hội thể thao				
1	Paralympic	220	140	85	+ 85
2	Paralympic trẻ	45	30	20	+ 20
3	Đại hội thể thao người khuyết tật châu Á (ASIAN PARA Games)	80	50	30	+30
4	Đại hội thể thao người khuyết tật Đông Nam Á	25	15	10	+10
II	Giải vô địch thế giới từng môn				
1	Nhóm I	85	55	35	+35
2	Nhóm II	25	15	10	+10
III	Giải vô địch châu Á từng môn				
1	Nhóm I	35	20	15	+15
2	Nhóm II	15	10	8	+8
IV	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao				
1	Nhóm I	20	12	8	+8
2	Nhóm II	12	8	5	+5

2.3. Gạch đầu dòng thứ hai điểm d khoản 2 Điều 2 dự thảo Quyết định quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, như sau:

“d) *Mức thưởng đối với huấn luyện viên:*

- *Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng đối với vận động viên đạt giải tương ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này....”.*

Đề nghị bỏ nội dung dẫn chiếu quy định tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Quyết định, vì nội dung quy định tại gạch đầu dòng thứ hai điểm d khoản 2 Điều 2 dự thảo Quyết định nêu trên quy định về **mức thưởng tiền** cho huấn luyện viên, trong khi khoản 1 Điều 2 dự thảo Quyết định quy định về hình thức khen thưởng, cụ thể:

“Điều 2. *Mức thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh đạt thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia*

1. *Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, tiền thưởng kèm theo Bằng khen”*

3. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

- Đề nghị bổ sung *Khoản 3 Điều 217 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020* vào sau căn cứ ban hành thứ ba "*căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015*".

- Bổ cục điểm d khoản 2 Điều 2 dự thảo Quyết định còn sử dụng gạch đầu dòng (-) để thể hiện các khoản, điểm, không phù hợp với quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ), đề nghị chỉnh sửa.

- Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát toàn bộ nội dung dự thảo Quyết định để chỉnh sửa các lỗi, sai sót chính tả, đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ).

III. KẾT LUẬN

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp nêu tại phần II Báo cáo này, tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo Quyết định đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sau khi hoàn chỉnh nội dung theo mục 1 phần III Báo cáo này, dự thảo văn bản đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định mức tiền thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao đạt thành tích tại các đại hội và các giải thi đấu thể thao áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở VH TT & DL (tổng hợp);
- Giám đốc Sở;
- Trang TTĐT STP;
- Lưu: VT, XD KT TH PL & PB GD PL. KX Thành.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược